

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BT Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 53/2019/DS-PT

Ngày: 03 - 7 - 2019

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BT

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Cường

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phúc, ông Lương Thanh Chín

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Trung – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh BT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BT tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Hoài – Kiểm sát viên.

Vào ngày 26-6 - 2019 và ngày 03 - 7 - 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BT xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2018/ TLPT-DS ngày 26/12/2018, về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 47/2018/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện ĐL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 97/2019/QĐ-PT ngày 15.5.2019 của Tòa án nhân dân tỉnh BT, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Ng, sinh năm: 1971;

Địa chỉ: Số 303, đường ĐT 720, tổ 4, thôn 6, xã VH, huyện ĐL, tỉnh BT, có mặt

2. *Bị đơn:* - Ông Trần XL, sinh năm: 1966

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm: 1968;

Địa chỉ: Cùng ở số nhà 06, đường số 38, thôn 5, xã VH, huyện ĐL, tỉnh BT, có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án ngày 03 - 7 - 2019.

Người kháng cáo: Ông Trần XL, Bà Nguyễn Thị Ngọc Y.

Tại phiên tòa có mặt ông Nguyễn Đình Lợi, sinh năm 1961 là chồng bà Ng. Địa chỉ: Số 303, đường ĐT 720, tổ 4, thôn 6, xã VH, huyện ĐL, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện ngày 12/3/2018, khởi kiện bổ sung ngày 24/5/2018, cũng như quá trình tham gia tố tụng bà Hồ Thị Ng trình bày:

Ban đầu (ngày 12/3/2018) chị Hồ Thị Ng khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc anh Trần XL và chị Nguyễn Thị Ngọc Y phải có trách nhiệm trả cho chị tổng số tiền là 264.983.400 đồng. Trong đó số tiền nợ gốc là 99.000.000 đồng, tiền

lãi là 165.983.400. (Thời điểm tính lãi từ 13/10/2009 đến ngày 12/3/2018, mức lãi suất là 6%/ tháng). Khi vay, do vay tiền nhiều lần nên anh Lai, chị Y có thể chấp một GCN QSDĐ số: U 790714, cấp ngày 18/11/2002 mang tên anh Trần XL.

Ngày 24/5/2018 chị Hồ Thị Ng khởi kiện bổ sung, yêu cầu giải quyết buộc anh Trần XL và chị Trần Thị Ngọc Y phải có trách nhiệm trả thêm số tiền nợ gốc là 225.324.000đ, thành tổng số tiền nợ gốc lên đến 324.324.000đ. Đồng thời tính lãi theo mức lãi suất 10%/ năm tương đương bằng 0,83%/tháng, tính từ thời điểm 27/8/2016.

Suốt trong quá trình tố tụng, anh Trần XL, chị Nguyễn Thị Ngọc Y không hề tham gia mà ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Thanh Dung tham gia tố tụng.

Trong các bản khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của chị Nguyễn Thị Thanh Dung tại phiên tòa thể hiện:

Giai đoạn đầu (hòa giải ngày 27/4/2018) đại diện theo ủy quyền của anh Lai, chị Y chấp nhận số tiền anh Lai, chị Y có vay chị Ng 3 lần là 99.000.000đ. Đồng ý số trả số tiền nợ gốc là 99.000.000đ và chỉ chấp nhận trả số tiền lãi tính từ ngày khởi kiện đến ngày tòa án giải quyết xong vụ án. Chị Dung cho rằng quan hệ tranh chấp giữa chị Ng với anh Lai, chị Y là tranh chấp về đòi lại tài sản. Yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định của Bộ Luật dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 5 Nghị quyết 03/2012/NQ-HDTP ngày 03/12/2012 để giải quyết đối với khoản tiền lãi 165.983.400 đồng.

Sau khi nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện bổ sung (hòa giải ngày 17/7/2018), đại diện theo ủy quyền của anh Lai, chị Y công nhận: Chị Y có nợ chị Ng số tiền 324.324.000 đồng, chị Y chấp nhận trả số tiền này và đề nghị chị Ng xét giảm số tiền lãi 56.260.484 đồng. Còn về phần anh Lai, anh chỉ thừa nhận có nợ chị Ng số tiền 82.000.000 đồng và chỉ đồng ý trả số tiền này chứ không đồng ý trả số tiền 324.324.000 đồng.

Ngày 10/8/2018, khi vụ án ở giai đoạn chuẩn bị xét xử thì chị Nguyễn Thị Thanh Dung giao nộp các văn bản: Thông báo về việc chấm dứt ủy quyền; Đơn xin xét xử vắng mặt; bản khai của anh Lai, chị Y. Tất cả đều lập ngày 31/7/2018. Nội dung cơ bản trong bản khai của chị Y là bà công nhận chữ ký trên giấy nợ 324.324.000đ đúng là của chị. Tuy nhiên, chị cho rằng số tiền 324.324.000đ là từ lãi cao sinh ra chứ vốn vay ban đầu chỉ là 82.000.000đ. Nội dung cơ bản trong bản khai của anh Lai là anh công nhận có chung sống như vợ chồng với chị Y, có con chung. Tuy nhiên, anh với chị Y không có đăng ký kết hôn. Đồng thời anh chỉ nhận anh có nợ chị Ng số tiền là 43.000.000đ, ngoài ra việc chốt nợ giữa chị Y với chị Ng như thế nào anh hoàn toàn không biết. Khi các chứng cứ mới phát sinh này được công khai, thì nguyên đơn là chị Hồ Thị Ng làm đơn đề nghị Tòa án tổ chức cho chị được đối chất trực tiếp với anh Lai, chị Y để nhằm làm rõ những khai nại của anh Lai, chị Y. Tuy nhiên, khi Tòa án tổ chức phiên đối chất thì bị đơn là anh Lai, chị Y không tham gia, cũng không đưa ra được chứng cứ nào để bảo vệ quyền lợi của mình.

Tại phiên Tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Hồ Thị Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc anh Lai, chị Y phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị số tiền nợ gốc là 324.324.000đ và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm từ ngày chốt nợ đến ngày xét xử vụ

án. Chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu này là các giấy vay mượn tiền, giấy ghi nợ chị đã cung cấp tại biên bản giao nhận chứng cứ ngày 28/9/2018.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh Dung không chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn, mà chỉ chấp nhận chị Y có trách nhiệm trả cho chị Ng số tiền nợ là 82.000.000đ; anh Lai có trách nhiệm trả cho chị Ng số tiền nợ là 43.000.000đ. Ngoài việc chị Dung căn cứ vào giấy vay mượn tiền ghi ngày 13/10/2009 và một tờ giấy phô tô ghi nội dung không rõ ràng, không có chữ ký của nguyên đơn (bút lục số 15) ra thì chị Dung không cung cấp chứng cứ nào khác để chứng minh cho số nợ mà chị Y phải trả. Ngoài việc không chấp nhận trả lãi chị Dung còn cho rằng anh Lai và chị Y không phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ 324.324.000đ cho chị Ng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 47/2018/DS-ST ngày 17 - 10 - 2018 Tòa án nhân dân huyện ĐL đã xử:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, khoản 2, 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, 264, 266, 267 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Hồ Thị Ng về việc yêu cầu giải quyết buộc anh Trần XL và chị Nguyễn Thị Ngọc Y phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho chị Ng số tiền nợ vay tổng cộng là: 324.324.000đ (*Ba trăm hai mươi bốn triệu, ba trăm hai mươi bốn ngàn đồng*).

2. Xử buộc anh Trần XL và chị Nguyễn Thị Ngọc Y phải liên đới có trách nhiệm trả cho chị Hồ Thị Ng số tiền nợ vay tổng cộng là 324.324.000đ.

Chia phần: Anh Trần XL và chị Nguyễn Thị Ngọc Y mỗi người phải có trách nhiệm trả cho chị Hồ Thị Ng số tiền là 162.162.000đ (*Một trăm sáu mươi hai triệu, một trăm sáu mươi hai ngàn đồng*).

Kể từ ngày chị Ng có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng anh Lai, chị Y còn phải chịu một khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian và số tiền phải trả được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự tại thời điểm trả nợ, tức bằng 10%/năm của khoản tiền vay.

3. Buộc chị Hồ Thị Ng phải có trách nhiệm trả lại cho anh Trần XL 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 790714, do UBND huyện ĐL cấp ngày 18/11/2002 mang tên hộ anh Trần XL.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Trần XL và chị Nguyễn Thị Ngọc Y phải nộp số tiền 16.216.200 đồng (*Mười sáu triệu, hai trăm mười sáu ngàn, hai trăm đồng*), tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc chị Hồ Thị Ng phải nộp 3.454.600đ tiền án phí DSST. Nhưng được trừ vào số tiền 6.625.000đ tiền tạm ứng án phí mà chị Ng đã nộp tại biên lai số 0018309, ngày 26/3/2018. Chị Ng được trả lại số tiền là 3.170.400 đồng

Trả lại cho chị Hồ Thị Ng 1.484.000đ, số tiền tạm ứng án phí mà chị Ng đã nộp tại biên lai số 0018494, ngày 07/6/2018.

Ngoài ra, tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quy định về Luật Thi hành án dân sự, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30.10.2018, ông Trần XL bà Nguyễn Thị Ngọc Y kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; ông Lai cho rằng ông chỉ chịu trách nhiệm trả 43.000.0000 đồng cho vợ chồng bà Ng; bà Y cho rằng bà và ông Lai có vay của bà Ng 43.000.0000 đồng, bà có nợ bà Ng 56.000.0000 đồng tiền huê, sau đó bà đã trả được 17.000.0000 đồng, nên chỉ còn nợ bà Ng 82.000.0000 đồng; số tiền 324.324.000 đồng là do bà Ng tính lãi 2% của số tiền 82.000.0000 đồng từ năm 2009 đến ngày 27.8.2016. Đồng thời ông bà yêu cầu giám định tài liệu, chứng cứ do bà Ng cung cấp cho Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm bà Ng xác định: Trong giấy nhận nợ do bà Y ghi ngày 27.3.2103, ngoài các nội dung do bà Y ghi, bà có ghi: Ở hàng thứ nhất chữ “13/5/2008 , 13/10/2009” và cuối hàng thứ 7 từ trên xuống đến hết hàng thứ 9 chữ “ 180.180.000 chót nợ 27-8-2016 Y nợ Ng số tiền là (324.324.000)”

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Trần XL bà Nguyễn Thị Ngọc Y vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, ông bà chỉ đồng ý trả cho bà Ng 82.000.0000 đồng tiền gốc và 01 năm tiền lãi tính từ ngày vay 13/10/2009 của số tiền 43.000.0000 đồng theo mức lãi suất 1,25%/tháng.

- Ông Nguyễn Đình Lợi, chồng bà Ng khai: Ông đã ủy quyền cho bà Ng khởi kiện, nên để một mình bà Ng tham gia tố tụng, cũng như giải quyết để bà Ng nhận tiền của vợ chồng ông Lai, bà Y như Tòa án huyện ĐL đã giải quyết, sau này về giữa ông và bà Ng tự giải quyết số tiền này, ông không khiếu nại gì việc giải quyết của Tòa án.

- Bà Ng lúc đầu đồng ý nhận 01 năm tiền lãi của số tiền vay mượn 43.000.0000 đồng theo mức lãi suất 1,25%/tháng như ý kiến của ông Lai bà Y. Nhưng sau khi Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BT phát biểu ý kiến bà Ng yêu cầu tính lãi của số tiền 324.324.000 đồng như đơn khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BT phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần XL, bà Nguyễn Thị Ngọc Y, sửa bản án sơ thẩm: Ông Trần XL, bà Nguyễn Thị Ngọc Y trả cho Hồ Thị Ng

82.000.0000 đồng tiền gốc; công nhận sự thỏa thuận của ông Lai bà Y với bà Ng: Ông Lai, bà Y trả cho bà Ng 01 năm tiền lãi tính từ ngày vay 13.10.2009 của số tiền 43.000.0000 đồng theo mức lãi suất 1,25%/tháng.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại giấy vay mượn tiền do ông Trần XL ghi ngày 13/10/2009 thể hiện: Ông Lai có vay của vợ chồng ông Lợi bà Ng 43.000.0000 đồng. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Nguyễn Đình Lợi chồng bà Ng vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là thiếu sót. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm ông Lợi xác định: Ông đã ủy quyền đề bà Ng khởi kiện và một mình bà Ng tham gia tố tụng giải quyết vụ án, cũng như để vợ chồng ông Lai bà Y trả tiền cho bà Ng như Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết, sau này về giữa ông và bà Ng tự giải quyết số tiền này, ông không khiếu nại gì việc giải quyết của Tòa án. Nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không cần thiết phải hủy án sơ thẩm, mà chỉ cần rút kinh nghiệm với cấp sơ thẩm là đủ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét việc ông Lai bà Y kháng cáo cho rằng: Ông bà có vay của vợ chồng bà Ng 43.000.0000 đồng, bà Y có nợ bà Ng 56.000.0000 đồng tiền huê, sau đó bà đã trả được 17.000.0000 đồng, nên chỉ còn nợ bà Ng 82.000.0000 đồng; số tiền 324.324.000 đồng là do bà Ng tính lãi 2% của số tiền 82.000.0000 đồng từ năm 2009 đến ngày 27.8.2016.

Hội đồng xét xử án xét thấy:

- Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn là chị Hồ Thị Ng cung cấp thể hiện: Tại giấy vay mượn tiền ngày 13/10/2009 ông Trần XL có vay của vợ chồng bà Ng ông Lợi số tiền 43.000.000 đồng; 01 giấy nhận nợ do bà Y ghi ngày 09.5.2008 (âm lịch) số tiền 22.000.000 đồng, ngày 13.5.2008 nhằm ngày 20.7.2008 dương lịch số tiền 34.000.000 đồng; 01 giấy (Bút lục số 76) có nội dung ghi chốt nợ ngày 27/8/2016 bà Y còn nợ bà Ng số tiền là 324.324.000 đồng. Các chứng cứ này đã được Tòa án cấp sơ thẩm công khai và bà Y đã công nhận số nợ này.

- Còn việc bà Y kháng cáo cho rằng ngày 27.3.2103 bà có ghi giấy nhận nợ của bà Ng 43.000.0000 đồng tiền vay, 56.000.0000 đồng tiền huê, trừ bà đã trả được 17.000.0000 đồng, bà chỉ còn nợ bà Ng 82.000.0000 đồng và bà đã ký ở dưới; do bà có để trống 02 hàng nên bà Ng đã ghi thêm nội dung: “180.180.000 chốt nợ 27-8-2016 Y nợ Ng số tiền là (324.324.000)” ; nhưng bà Y không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh cho lời khai. Trong khi lời khai này của bà Y không được bà Ng thừa nhận; bà Ng cho rằng bà ghi các nội dung trên cùng một lúc vào ngày 27-8-2016 với bà Y.

- Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn

324.324.000 đồng tiền nợ là có căn cứ.

[2.2] Xét, việc ông Lai kháng cáo cho rằng ông chỉ chịu trách nhiệm đối với khoản nợ vay 43.000.0000 đồng của vợ chồng bà Ng;

Hội đồng xử án xét thấy:

- Mặc dù giữa ông Trần XL và bà Nguyễn Thị Ngọc Y không đăng ký kết hôn. Nhưng ông Lai và bà Y đã chung sống với nhau như vợ chồng từ những năm 2006, họ đã có con chung, đã xây dựng tài sản chung tại thôn 5, xã VH, huyện DL, tỉnh BT. Khi vay mượn tiền của vợ chồng bà Ng ông Lai đã dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông giao cho chị Ng để làm bằng chứng thay cho thế chấp, cũng tại giấy vay mượn tiền do chính ông Lai viết bà Y đã ký tên với tư cách là vợ. Điều này chứng tỏ việc vay mượn tiền của vợ chồng Ng, ông Lai và bà Y đã thể hiện sự đồng lòng, thống nhất trong việc tạo nguồn vốn phát triển kinh tế chung trong gia đình, cũng như tạo niềm tin lớn hơn để vợ chồng bà Ng đồng ý cho vay. Trường hợp ông Lai và bà Y có tranh chấp về hôn nhân, tài sản chung, nợ chung, con cái... thì vẫn được giải quyết theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình và của Bộ luật dân sự hiện hành. Do vậy, họ phải có nghĩa vụ liên đới trong những quan hệ do chính họ xây dựng trong thời gian chung sống với nhau.

- Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lai đồng ý cùng bà Y trả khoản nợ 82.000.0000 đồng cho bà Ng.

- Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Lai cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà Ng là có căn cứ.

[3] Do đó, kháng cáo của ông Lai, bà Y không có căn cứ để Hội đồng xử án chấp nhận; Bản án sơ thẩm vì vậy được giữ nguyên.

[4] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần XL, bà Nguyễn Thị Ngọc Y. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2018/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện DL.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, khoản 2, 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, 264, 266, 267 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự; Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Ng

Buộc ông Trần XL và bà Nguyễn Thị Ngọc Y phải liên đới trả cho chị Hồ

Thị Ng số tiền nợ vay tổng cộng là 324.324.000đ (*Ba trăm hai mươi bốn triệu, ba trăm hai mươi bốn ngàn đồng*).

Chia phần: Ông Trần XL và bà Nguyễn Thị Ngọc Y mỗi người phải có trách nhiệm trả cho bà Hồ Thị Ng 162.162.000 đồng (*Một trăm sáu mươi hai triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn đồng*).

Buộc bà Hồ Thị Ng phải trả lại cho ông Trần XL 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 790714, do Ủy ban nhân dân huyện ĐL cấp ngày 18/11/2002 mang tên hộ Trần XL.

Buộc ông Trần XL và bà Nguyễn Thị Ngọc Y phải nộp số tiền 16.216.200 đồng (*Mười sáu triệu, hai trăm mười sáu ngàn, hai trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Hồ Thị Ng phải nộp 3.454.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được khấu trừ 8.109.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018309 ngày 26/3/2018 và số 0018494 ngày 07/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐL; hoàn trả cho bà Ng 4.654.400 đồng.

Ông Trần XL, bà Nguyễn Thị Ngọc Y mỗi người phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018861 ngày 07.11.2018 và số 0018862 ngày 07.11.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐL; ông Lai, bà Y đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án); kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án 03.7.2019

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND BT;
- TAND huyện ĐL;
- THADS huyện ĐL;
- Những người tham gia tố tụng (theo địa chỉ);
- Tổ HCTP –TABT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ, Tòa Dân sự.

Đặng Văn Cường